UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 131 /TTr-UBND	*Bình Phước, ngày 16 tháng 6 năm 2022*

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh bổ sung danh mục các dự án được phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Bình Phước

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung và hủy danh mục các dự án chuyển mục đích từ đất lâm nghiệp được thực hiện trong giai đoạn 2016-2020 có thay đổi so với danh mục kèm theo Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 và Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án chuyển mục đích sử dụng đất lâm nghiệp được thực hiện trong giai đoạn 2016-2020 có thay đổi so với danh mục ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2019, Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 và Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

Căn cứ Báo cáo số 142/BC-UBND ngày 10/6/2022 của UBND tỉnh về việc thẩm định hồ sơ các dự án đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 74/TTr-SNN-KL ngày 10 tháng 6 năm 2022.

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh (HĐND tỉnh) thông qua Nghị quyết bổ sung danh mục các dự án được phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Bình Phước ban hành kèm theo Nghị quyết số 25/2019/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh, với những nội dung cụ thể như sau:

I. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

- Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

- Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;

- Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

- Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

- Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

- Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua danh mục điều chỉnh, bổ sung các dự án chuyển mục đích từ đất lâm nghiệp được thực hiện trong giai đoạn 2016-2020;

- Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung và hủy danh mục các dự án chuyển mục đích từ đất lâm nghiệp được thực hiện trong giai đoạn 2016-2020 có thay đổi so với danh mục kèm theo Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 và Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

các văn bản có liên quan.

- Việc xây dựng Nghị quyết trên cơ sở kết quả kiểm tra hồ sơ đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo đúng quy định của Luật Lâm nghiệp năm 2017 và Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

- Ngày 18/3/2022 Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành Công văn số 368/SNN-KHTC đăng ký nội dung trình HĐND tỉnh tại kỳ họp giữa năm 2022. Nội dung đăng ký được UBND tỉnh thống nhất trình HĐND tỉnh tại Công văn số 43/UBND-TH ngày 13/4/2022.

- Ngày 27/4/2022, HĐND tỉnh ban hành Công văn số 125/HĐND về việc phân công cơ quan trình dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh tại kỳ họp thứ 5 (giữa năm 2022), trong đó có Nghị quyết bổ sung danh mục các dự án được phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Bình Phước ban hành kèm theo Nghị quyết số 25/2019/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Thực hiện chỉ đạo của HĐND tỉnh, ngày 27/4/2022 UBND tỉnh ban hành Công văn số 941/UBND-TH phân công nhiệm vụ cho các Sở, ngành chuẩn bị nội dung trình HĐND tỉnh thông qua tại kỳ họp giữa năm 2022, trong đó có Nghị quyết bổ sung danh mục các dự án được phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Bình Phước ban hành kèm theo Nghị quyết số 25/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành Công văn số 718/SNN-KL ngày 12/5/2022 gửi các cơ quan, đơn vị, địa phương để lấy ý kiến đối với góp ý dự thảo Nghị quyết. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tổng hợp ý kiến góp ý theo đúng quy định.

Ngày 24/5/2022, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành Công văn số 796/SNN-KL kèm theo hồ sơ gửi Sở Tư pháp thẩm định và được Sở Tư pháp thẩm định tại Báo cáo số 105/BC-STP ngày 26/5/2022. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp và hoàn thiện Dự thảo Nghị quyết. Trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát, đối chiếu với các hồ sơ đề nghị chuyển mục đích sử dụng do Trung tâm phục vụ hành chính công tiếp nhận.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết được soạn thảo theo hướng quy định trực tiếp nội dung văn bản. Nghị quyết có 02 điều.

2. Nội dung cơ bản

Điều 1. Bổ sung danh mục các dự án được phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Bình Phước ban hành kèm theo Nghị quyết số 25/2019/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh, cụ thể như sau:

1. Tổng số dự án: 23 dự án.

2. Tổng diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng: 390,34 ha.

3. Loại rừng: Rừng sản xuất.

4. Nguồn gốc hình thành: Rừng trồng.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

(Gửi kèm theo: Hồ sơ các dự án đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Bình Phước; dự thảo Nghị quyết)

Trên đây là Tờ trình về Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh bổ sung danh mục các dự án được phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Bình Phước. UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- TT Tỉnh ủy;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở NN &PTNT;
- LĐVP, Phòng: KT;
- Lưu: VT (Th ttr 02-022).

CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Trần Tuệ Hiền

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /2022/NQ-HĐND (DỰ THẢO)	*Bình Phước, ngày tháng năm 2022*

NGHỊ QUYẾT

Bổ sung danh mục các dự án được phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Bình Phước ban hành kèm theo Nghị quyết số 25/2019/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHÓA X, KỲ HỌP ...

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND-KTNS ngày tháng năm của Ban kinh tế-ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bổ sung danh mục các dự án được phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Bình Phước ban hành kèm theo Nghị quyết số 25/2019/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh, cụ thể như sau:

1. Tổng số dự án: 23 dự án.

2. Tổng diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng: 390,34 ha.

3. Loại rừng: Rừng sản xuất.

4. Nguồn gốc hình thành: Rừng trồng.

(Có phụ lục kèm theo)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, kỳ họp thứ … thông qua ngày tháng năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2022./.

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:
- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- VPQH, VPCP, VPCTN;
- Bộ TNMT, Bộ NNPTNT;
- Cục kiểm tra văn bản Bộ Tư pháp;
- TVTU, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- VP: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- TT HĐND, UBND cấp huyện;
- Tổ đại biểu HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Website và Trung tâm CNTTTT;
- Lưu: VT, KTNS.

Phụ lục

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐƯỢC PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯƠNG CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG SANG MỤC ĐÍCH KHÁC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số ngày tháng năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

Stt	Tên Dự án	Chủ đầu tư	Diện tích (ha)	Loại rừng, nguồn gốc hình thành	Địa điểm	Ghi chú
1	Trang trại chăn nuôi heo nái	Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Phát Lộc Phát	15,50	Rừng sản xuất; Rừng trồng	Khoảnh 4, 5, 6, 7 tiểu khu 94 xã Lộc Hòa, huyện Lộc Ninh	Chỉ tiêu CMĐSD đất theo Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021
2	Trang trại chăn nuôi heo thịt	Công ty TNHH Nam Trâm	8,95	Rừng sản xuất; Rừng trồng	Khoảnh 1 tiểu khu 191, xã Đồng Nai, huyện Bù Đăng	Chỉ tiêu CMĐSD đất theo Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021
3	Trang trại chăn nuôi heo thịt	Công ty TNHH Nam Trâm	7,67	Rừng sản xuất; Rừng trồng	Khoảnh 3 tiểu khu 191, xã Đồng Nai, huyện Bù Đăng	Chỉ tiêu CMĐSD đất theo Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021
4	Trang trại chăn nuôi heo thịt	Công ty TNHH Nam Trâm	7,95	Rừng sản xuất; Rừng trồng	Khoảnh 2 tiểu khu 191, xã Đồng Nai, huyện Bù Đăng	Chỉ tiêu CMĐSD đất theo Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021
5	Trang trại chăn nuôi heo thịt	Công ty TNHH XD TM DV Đức Lộc (quy mô 20.000 heo thịt)	14,00	Rừng sản xuất; Rừng trồng	Khoảnh 4 tiểu khu 322, xã Đăng Hà, huyện Bù Đăng	Chỉ tiêu CMĐSD đất theo Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021

6	Trang trại chăn nuôi heo nái	Công ty TNHH XD TM DV Đức Lộc (quy mô 3.600 heo nái)	14,00	Rừng sản xuất; Rừng trồng	Khoảnh 2 tiểu khu 322, xã Đăng Hà, huyện Bù Đăng	Chỉ tiêu CMĐSD đất theo Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021
7	Xây dựng đường kết nối ngang QL14 với tuyến ĐT755 nối ĐT753	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước	3,12	Rừng sản xuất; Rừng trồng	Khoảnh 3, 4 tiểu khu 344B, Khoảnh 6, 8 - tiểu khu 350, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú	Đăng ký chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất từ các dự án chưa thực hiện
8	XD đường tuyến kết nối ĐT753B với đường Đồng Phú-Bình Dương	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước	7,69	Rừng sản xuất; Rừng trồng	Khoảnh 6 tiểu khu 340, Khoảnh 1, 2 - tiểu khu 342, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú	Đăng ký chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất từ các dự án chưa thực hiện
9	XD đường giao thông phía Tây QL13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước	10,76	Rừng sản xuất; Rừng trồng	Thuộc Tiểu khu 281 xã Minh Đức - huyện Hớn Quản.	Đăng ký chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất từ các dự án chưa thực hiện
			39,04	Rừng sản xuất; Rừng trồng	Thuộc Tiểu khu 98, 102, 103, xã Lộc Tấn; Tiểu khu 207, xã Lộc Thiện; Tiểu khu 220, 223, xã Lộc Thịnh - huyện Lộc Ninh	Đăng ký chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất từ các dự án chưa thực hiện
10	Dự án Trang trại chăn nuôi heo thịt	Công ty TNHH SX TM XNK Thiên Phú Sơn	20,00	Rừng sản xuất; Rừng trồng	Khoảnh 7, 8 tiểu khu 312; khoảnh 8 tiểu khu 313, xã Đăng Hà, huyện Bù Đăng	Chỉ tiêu CMĐSD đất theo Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021
11	Dự án chăn nuôi gà	Công ty Cổ phần Chăn nuôi Ngũ Phúc	13,00	Rừng sản xuất; Rừng trồng	Khoảnh 9, 10 tiểu khu 313, xã Đăng Hà, huyện Bù Đăng	Chỉ tiêu CMĐSD đất theo Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021

12	Dự án chăn nuôi gà Lam Sơn 1	Công ty TNHH Chăn nuôi Lam Sơn	10,50	Rừng sản xuất; Rừng trồng	Khoảnh 11 tiểu khu 313, xã Đăng Hà, huyện Bù Đăng	Chỉ tiêu CMĐSD đất theo Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021
13	Dự án chăn nuôi gà Lam Sơn 2	Công ty TNHH Chăn nuôi Lam Sơn	12,10	Rừng sản xuất; Rừng trồng	Khoảnh 5,6 tiểu khu 314, xã Đăng Hà, huyện Bù Đăng	Chỉ tiêu CMĐSD đất theo Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021
14	Dự án chăn nuôi gà	Công ty TNHH Đăng Hà Farm	21,80	Rừng sản xuất; Rừng trồng	Khoảnh 8 tiểu khu 312, xã Đăng Hà, huyện Bù Đăng	Chỉ tiêu CMĐSD đất theo Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021
15	Dự án trang trại chăn nuôi heo	Công ty TNHH Chăn nuôi Hữu Bình	16,12	Rừng sản xuất; Rừng trồng	Khoảnh 4 tiểu khu 308, xã Nghĩa Trung, huyện Bù Đăng	Chỉ tiêu CMĐSD đất theo Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021
16	Dự án trang trại chăn nuôi heo	Công ty TNHH Chăn nuôi Hữu Thịnh	16,00	Rừng sản xuất; Rừng trồng	Khoảnh 2, 4, 5 tiểu khu 308, xã Nghĩa Trung, huyện Bù Đăng	Chỉ tiêu CMĐSD đất theo Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021
17	Dự án trang trại chăn nuôi heo	Công ty TNHH Chăn nuôi Lộc Bình	10,60	Rừng sản xuất; Rừng trồng	Khoảnh 9, 10 - Tiểu khu 58, xã Phước Thiện, huyện Bù Đốp	Chỉ tiêu CMĐSD đất theo Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019
18	Dự án trang trại chăn nuôi heo	Công ty TNHH Chăn nuôi Ánh Dương	10,50	Rừng sản xuất; Rừng trồng	Khoảnh 8 - Tiểu khu 58, xã Phước Thiện, huyện Bù Đốp	Chỉ tiêu CMĐSD đất theo Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019

19	Dự án trang trại chăn nuôi heo	Công ty TNHH MTV SXTM Bảo Minh Quang	14,73	Rừng sản xuất; Rừng trồng	Khoảnh 1 tiểu khu 387 và khoảnh 1 tiểu khu 388, xã Tân Hòa, huyện Đồng Phú	Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021
20	Dự án mỏ đá Lam Sơn 3	Công ty TNHH MTV Cao su Bình Phước	49,00	Rừng sản xuất; Rừng trồng	Khoảnh 2, 4, 5 thuộc tiểu khu 341, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú	Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021
21	Dự án Hầm phún Tân Hưng	Công ty TNHH MTV Cao su Bình Phước	37,78	Rừng sản xuất; Rừng trồng	Khoảnh 9, 11 thuộc tiểu khu 344B, xã Tân Hưng, huyện Đồng Phú	Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021
22	Dự án trang trại chăn nuôi heo	Công ty TNHH Chăn nuôi Nhất Quyết	15,50	Rừng sản xuất; Rừng trồng	Khoảnh 8 - Tiểu khu 104, xã Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh	Đăng ký chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất từ các dự án chưa thực hiện
23	Dự án trang trại chăn nuôi heo	Công ty TNHH Chăn nuôi Lộc Thành Lộc Ninh	14,03	Rừng sản xuất; Rừng trồng	Khoảnh 5, 6 - Tiểu khu 211, xã Lộc Thành, huyện Lộc Ninh	Đăng ký chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất từ các dự án chưa thực hiện
TỔNG			**390,34**			